

Bản án số: 60/2022/DS-ST

Ngày: 14-3-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh;
2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thơm – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Bích Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 100/3A đường Quang T, Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1972/2020/GUQ-TTT ngày 24/12/2020) (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Thi Lý Thái A, sinh năm 1983; địa chỉ: Số ¾ Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 3, đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2020 (Công văn đến Tòa án ngày 25/12/2020), trong quá trình giải quyết vụ án có bà Nguyễn Bích Thanh Trà là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 29/10/2008, ông Thi Lý Thái A và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 472074-1199, bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của ông Thi Lý Thái A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Thi Lý Thái A đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 4.684.638 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông Thi Lý Thái A không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Thi Lý Thái A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Thi Lý Thái A vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 01/4/2010, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 9.695.967 đồng (bao gồm số tiền đã giao dịch, các khoản phí giao dịch, lãi trong hạn. Trong đó, số tiền đã giao dịch là 4.684.638 đồng, các loại phí là 3.342.745 đồng, lãi trong hạn là 1.668.584 đồng) sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Lãi quá hạn =  $150\% \times \text{lãi trong hạn} = 2.15\% \times 150\% = 3.225\%/\text{tháng}$ .

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Thi Lý Thái A, yêu cầu ông Thi Lý Thái A có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bị đơn trả nợ, tuy nhiên ông Thi Lý Thái A vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện: Buộc bị đơn ông Thi Lý Thái A trả ngay cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T số tiền tạm tính đến ngày 14 tháng 3 năm 2022 là 46.737.111 đồng, trong đó nợ gốc là 9.695.967 đồng, lãi quá hạn 37.041.144 đồng.

Lãi, lãi quá hạn tiếp tục tính kể từ ngày 15/3/2022 cho đến khi ông Thi Lý Thái A thực tế thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều kiện và điều khoản kèm theo đã ký.

Bà Nguyễn Bích Thanh Trà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện ông Thi Lý Thái A trả nợ, khoản nợ nêu trên không liên quan đến bất kỳ ai khác vì chủ thể xác lập quan hệ tín dụng là Ngân hàng và ông Thi Lý Thái A.

Về phía bị đơn ông Thi Lý Thái A, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập ông Thi Lý Thái A đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng ông Thi Lý Thái A không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng tín dụng đã ký thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:**

[1.1] Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T có bà Nguyễn Bích Thanh Trà là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

[1.2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn ông Thi Lý Thái A là số ¾ đường H, Khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo địa chỉ được ông Thi Lý Thái A ghi trong giao dịch Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng và các văn bản khác với nguyên đơn đều thể hiện ông Thi Lý Thái A tạm trú tại số ¾ đường H, Khu phố 3, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 325/2021/QĐ-CCTLCC ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì đương sự ông Thi Lý Thái A có đăng ký tạm trú tại địa chỉ nêu trên từ ngày 16/10/2002 đến ngày 26/11/2013 xóa tạm trú, đương sự không còn cư trú tại địa phương.

Căn cứ vào Điều 10 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành thẻ tín dụng thì việc thay đổi thông tin chủ thẻ phải thông báo ngay cho đơn vị phát hành thẻ.

Vì vậy trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ nơi cư trú của bị đơn ông Thi Lý Thái A. Nay ông Thi Lý Thái A vắng mặt tại địa phương nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, Điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay - Đây là “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4] Đối với bị đơn ông Thi Lý Thái A là trường hợp được coi là cố tình giấu địa chỉ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh: Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Căn cứ Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông Thi Lý Thái A đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 14/3/2022 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phê duyệt ngày 29/10/2008 với số tiền là 46.737.111 đồng, trong đó nợ gốc là 9.695.967 đồng, lãi quá hạn 37.041.144 đồng; Yêu cầu trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra kể từ ngày 15/3/2022, bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phê duyệt ngày 29/10/2008 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T và ông Thi Lý Thái A, bảng sao kê tài khoản và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định ông Thi Lý Thái A có đề nghị vay và đã được nguyên đơn chấp thuận cho vay với hạn mức 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 01/4/2010 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 9.695.967 đồng sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 14/3/2022, ông Thi Lý Thái A còn nợ Ngân hàng số tiền là: 46.737.111 đồng, trong đó nợ gốc là 9.695.967 đồng, lãi quá hạn 37.041.144 đồng.

[3.2] Căn cứ theo các điều khoản ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phê duyệt ngày 29/10/2008 thì ông Thi Lý Thái A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì “bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Đến nay bị đơn ông Thi Lý Thái A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ tính đến ngày 14/3/2022 số tiền là: 46.737.111 đồng, trong đó nợ gốc là 9.695.967 đồng, lãi quá hạn 37.041.144 đồng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng đã ký kết, phù hợp Điều 22, 23 của bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đính kèm theo hợp đồng và phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng phê duyệt ngày 29/10/2008 cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là 2.336.856 (Hai triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm năm mươi sáu) đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 và Khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T và bị đơn ông Thi Lý Thái A.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

2.1. Buộc ông Thi Lý Thái A phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/3/2022 là 46.737.111 (Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi bảy ngàn, một trăm mười một) đồng, trong đó nợ gốc là 9.695.967 (Chín triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, chín trăm sáu mươi bảy) đồng, lãi quá hạn 37.041.144 (Ba mươi bảy triệu, không trăm bốn mươi mốt ngàn, một trăm bốn mươi bốn) đồng, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

2.2 Kể từ ngày 15/3/2022, ông Thi Lý Thái A còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận

trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phê duyệt ngày 29/10/2008 và bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thi hành án xong.

### 2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thi Lý Thái A phải chịu 2.336.856 (Hai triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, tám trăm năm mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 1.068.953 (Một triệu không trăm sáu mươi tám ngàn, chín trăm năm mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0042167 ngày 04/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### 4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T và bị đơn ông Thi Lý Thái A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (TK Thơm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm Phương**

